

KT3-00463BHD3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/04/2023
Page 01/03

- Tên mẫu
Name of sample : **GREENGRA PAINT - MÀU TRẮNG – MÃ SỐ GGR 25-1-3**
ĐÓNG RẮN MÃ SỐ H307
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
A: khoảng 0,8 kg chất lỏng màu trắng/ *white liquid*
B : khoảng 0,2 kg chất lỏng trong suốt/ *transparent liquid*
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 08/03/2023
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 09/03/2023 - 04/04/2023
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO PT**
24/15 Đường An Phú 18, Khu phố Bình Phước B, Phường Bình Chuẩn,
Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang tiếp theo
Refer to next page

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
DEPUTY HEAD OF CONSUMER
PRODUCTS TESTING LAB.

Nguyễn Thị Thùy Nhi

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report .

KT3-00463BHD3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/04/2023
 Page 02/03

Tỷ lệ pha trộn/ *mixing ratio* A:B = 3:1 (theo khối lượng/ *by mass*)
 (Theo yêu cầu khách hàng/ *As customer's request*)

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
Phần A			
7.1 Độ mịn / <i>Fineness</i> ,	µm	TCVN 2091 : 2015	15
7.2 Độ nhớt Stormer/ <i>Stormer viscosity</i> ,	KU	ASTM D 562 – 10 (2014)	60,6
Sau khi pha trộn/ <i>after mixing</i>			
7.3 Độ bền của lớp phủ theo phương pháp cắt ô / <i>Resistance of coating (cross cut test)</i>	loại/ <i>class</i>	TCVN 2097 : 2015	1
7.4 Độ bóng quang học (góc tới 60°)/ <i>Specular gloss</i>		TCVN 2101 : 2016	23,5
7.5 Độ cứng con lắc / <i>Pendulum hardness</i>		TCVN 2098 : 2007	0,41
7.6 Độ bền uốn / <i>Bend test</i> ,	mm	TCVN 2099 : 2013	6
7.7 Độ bền va đập / <i>Impact resistance</i> ,	kgf.cm	TCVN 2100-2 : 2013	40
7.8 Hàm lượng chất không bay hơi (tính theo khối lượng)/ <i>Non volatile content (mass per mass)</i> ,	%	ASTM D 2369 - 20	62,3
7.9 Thời gian khô / <i>Drying time</i>	h	TCVN 2096 -3: 2015	0,4
• Khô bề mặt / <i>Surface dry</i> ,		TCVN 2096 -1: 2015	0,8
• Khô hoàn toàn / <i>Hard dry</i> ,			
7.10 Độ cứng màng sơn (độ cứng bút chì)/ <i>Pencil hardness</i>		ASTM D 3363 – 05 (2011)	6H
7.11 Độ mài mòn/ <i>Abrasion resistance</i>		ASTM D 4060 - 19	
• Chỉ số mài/ <i>Wear index</i>			81
7.12 Cường độ bám dính/ <i>Bonding strength</i>	MPa	ASTM D 7234 – 14	10,9
• Vị trí bong tróc/ <i>the type of fracture</i> ,			B/C
• Ước lượng diện tích bong tróc/ <i>Estimate the area of fracture as a percentage</i> ,	%		83

Ghi chú/ Note : (B/C: Phá hủy xảy ra giữa lớp phủ thứ nhất (B) và lớp phủ thứ 2 (C) / *adhesive failure between first (B) and second coats (C)*)

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-00463BHD3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

04/04/2023
 Page 03/03

Tên chỉ tiêu <i>Characteristics</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test results</i>
7.13 Độ bền của màng sơn đối với kiềm/ <i>Alkali resistance</i>	JIS K 5551 : 1991	Màng sơn không bị phồng rộp sau khi ngâm 168 giờ trong dung dịch NaOH 5% (theo khối lượng)/ <i>No blistering after immersing in NaOH solution 5% (w/w) for 168 hours</i>
7.14 Độ bền của màng sơn đối với xăng / <i>Gasoline resistance</i>	JIS K 5551 : 1991	Màng sơn không bị phồng rộp sau khi ngâm 48 giờ trong xăng/ <i>No blistering after immersing in gasoline for 48 hours</i>
7.15 Độ bền của màng sơn đối với nước muối/ <i>Salt resistance</i>	JIS K 5551 : 1991	Màng sơn không bị phồng rộp sau khi ngâm 240 giờ trong dung dịch nước muối 3 % (theo khối lượng)/ <i>No blistering after immersing in salt solution 3% (w/w) for 240 hours</i>
7.16 Khả năng chịu nhiệt của màng sơn ở 105°C trong 24 giờ/ <i>Heat resistance of coating (at 105°C for 24 h)</i>	ASTM D 2485 - 18 Method A	- Sau khi chịu tác động của nhiệt độ 105 °C trong 24 giờ, ngâm mẫu thử ngay vào nước (ở 23 °C): màng sơn không bị phồng rộp, không bị bong tróc/ <i>At the end of testing condition (at 105 °C for 24 h), plunge the test panel immediately into water maintained at 23 °C: no blistering, no cracking, and no loss of adhesion.</i> - Sau khi chịu tác động của nhiệt độ 105 °C trong 24 giờ và ổn định 1 giờ ở nhiệt độ phòng, thử bền uốn qua trục 12 mm: màng sơn không bị nứt vỡ/ <i>At the end of testing condition (at 105 °C for 24 h), allow the test panel to cool at a room temperature for 1 h, then bend double over a 12mm diameter steel mandrel: no cracked</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.